TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN D** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2024/HS-ST
Ngày 19-6-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN D, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Cao Thành Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Tạ Thị Hương

Ông Trần Quang Thương

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Trần Thị Dung - Thư ký Toà án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Đình Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 15/2024/TLST-HS ngày 25 tháng 4 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2024/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 5 năm 2024 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 123/HSST-TB ngày 06 tháng 6 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Tiến T, sinh ngày 16 tháng 10 năm 2002 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn N 1, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tiến T và bà Nguyễn Thị L; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/7/2023; có mặt.

2. Trần Đức V, sinh ngày 19 tháng 6 năm 1998 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ 10, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T và bà Trần Thị V; chưa có vợ con;

tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt theo quyết định truy nã, tạm giữ từ ngày 12/01/2024 đến ngày 18/01/2024 chuyển tạm giam; có mặt.

3. Trần Quốc L, sinh ngày 28 tháng 8 năm 2003 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn K 3, xã H, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Quốc H và bà Nguyễn Thị X; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Bản án số 20/2022/HS-ST ngày 24/5/2022, Tòa án nhân dân quận K xử phạt 18 tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng (đã chấp hành án xong, không xác định để tính tái phạm). Ngày 24/01/2021 Công an quận Đồ Sơn xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc. Bị cáo bị bắt theo quyết định truy nã, tạm giữ từ ngày 02/02/2024 đến ngày 05/02/2024 chuyển tạm giam. Ngày 29/02/2024 thay đổi biện pháp ngăn chặn Bảo lĩnh; có mặt.

4. Hoàng Ngọc T, sinh ngày 22 tháng 8 năm 1999 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ dân phố A, thị trấn T, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn T và bà Nguyễn Thị D; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt theo quyết định truy nã, tạm giữ từ ngày 02/02/2024 đến ngày 05/02/2024 chuyển tạm giam. Ngày 29/02/2024 thay đổi biện pháp ngăn chặn Bảo lĩnh; có mặt.

- Bị hại: Hoàng Văn P, sinh năm năm 1998; nơi cư trú: Tổ 05, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng (đồng thời là bị can về tội "Gây rối trật tự công cộng" theo khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự, hiện đang bị truy nã).

- *Người làm chứng:*

+ Bà Lương Thị Y; vắng mặt.

+ Chị Phạm Thị H; vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Văn T; vắng mặt.

+ Bà Trần Thị C; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 31/10/2021, Hoàng Văn P gọi điện cho bạn gái là Chu Thị L, sinh năm 2001, trú tại xã N, huyện C, tỉnh Đ đang tham dự đám cưới tại nhà ông Trần Đức T ở tổ 10, phường H, quận D. Khi P đang nói chuyện với Lan thì Trần Đức V (con ông T) từ ngoài nói chen vào trêu đùa nên giữa V và P xảy ra mâu thuẫn chửi nhau và hẹn gặp tại khu vực đầu đường 402, phường H

để giải quyết mâu thuẫn. Hơn 16 giờ cùng ngày, P chuẩn bị 01 gậy sắt 03 khúc, dài khoảng 60cm (loại gậy rút) và rủ Hoàng Ngọc T, Nguyễn Văn B, Trần Quốc L đi cùng để giải quyết mâu thuẫn và đón Lan về, sau đó L chở T, B chở P trên 02 xe mô tô đi đến dải phân cách chéo đầu đường 402 gọi điện thoại chờ V đến. Sau khi hẹn gặp P, V chuẩn bị 01 đoạn tuýp sắt dài khoảng 60cm, một đầu đập dẹt đặt ở giá để chân bên phải xe mô tô, lấy dao bầu cho vào túi xách và lấy thớt để ở võng xe rồi điều khiển xe mô tô chở T đi cùng đến nhà bà Trần Thị Chinh ở tổ 6, phường H để trả dao, thớt. Khi đến nhà bà Chinh mới trả được thớt thì V nhận được điện thoại của P nên bảo T đi ngay, trên đường V nói với T đi gặp P để giải quyết mâu thuẫn. Đến đầu đường 402, V dừng xe cách nhóm của P khoảng 2m, T cầm dao bầu ở tay phải chỉ vào P nói *"ý chúng mày làm sao"*, thấy vậy B lấy 01 thanh gỗ dài khoảng 70cm ở quán gần đó xông vào đánh thì T bỏ chạy. P dùng gậy sắt ba khúc mang theo, L và T mỗi người lấy đoạn tuýp sắt dài khoảng 80cm tại quán vịt quay gần đó xông vào đánh thì V lấy đoạn tuýp sắt mang theo đánh lại. T cầm dao quay lại thì bị P cầm gậy sắt đánh, T dùng dao đâm chém lại P gây thương tích vào mạn sườn bên trái, cánh tay trái và bàn tay phải. Thấy P bị đánh gây thương tích thì B, L, T đã cầm gậy gỗ, tuýp sắt đuổi đánh T. Hậu quả Hoàng Văn P bị thương nặng được đưa đi cấp cứu tại bệnh viện K; Trần Đức V và Nguyễn Tiến T bị thương tích nhẹ.

Kết luận giám định tổn thương cơ thể qua hồ sơ của Trung tâm pháp y thành phố Hải Phòng đối với thương tích Hoàng Văn P: Căn cứ Thông tư 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Hoàng Văn P qua hồ sơ là 63%. Trong đó: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do vết thương vùng khoang liên sườn IX, X bên trái đường nách giữa gây nên là 1%. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do vết thương mặt sau 1/3 giữa cánh tay trái gây nên là 2%; Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do vết thương đốt 3 ngón 2 bàn tay phải gây nên là 01%. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do vết thương phẫu thuật rạch da đường trắng giữa trên và dưới rốn gây nên là 2%. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do 04 vết phẫu thuật dẫn lưu ổ bụng gây nên là: 1%, 1%, 1%, 1%; Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do vết thương thận trái đã được khâu gây nên là 18%; Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do cắt đoạn đại tràng xuống kèm lỗ thủng và một phần đại tràng ngang làm hậu môn nhân tạo gây nên là 50%.

Vết thương mặt sau 1/3 giữa cánh tay trái, đốt 3 ngón 2 bàn tay phải có đặc điểm do vật sắc nhọn hoặc tương đối sắc nhọn tác động trực tiếp theo hướng gần như vuông góc với bề mặt da nơi tổn thương gây nên; Vết thương vùng khoang liên sườn IX, X bên trái đường nách giữa có đặc điểm do vật sắc nhọn hoặc tương đối sắc nhọn tác động trực tiếp theo hướng từ trái sang phải gây nên. Các thương tích của nạn nhân có thể do cùng loại hay nhiều loại hung khí gây

nên. Hung khí do đối tượng Nguyễn Tiến T vẽ, mô tả có thể gây nên thương tích cho nạn nhân. Nếu không cấp cứu kịp thời sẽ ảnh hưởng đến tính mạng nạn nhân.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Tiến T, Trần Đức V, Trần Quốc L, Hoàng Ngọc T, Hoàng Văn P, Nguyễn Văn B khai nhận hành vi như đã nêu trên.

Về vật chứng*:* Sau khi đánh nhau các đối tượng đã vứt các hung khí tại hiện trường, Cơ quan điều tra đã tổ chức truy tìm nhưng không thu hồi được.

Trách nhiệm dân sự: Nguyễn Tiến T, Trần Đức V đã bồi thường cho Hoàng Văn P 30.000.000 đồng, P không yêu cầu bồi thường gì thêm và có đơn xin từ chối giám định thương tích; Trần Đức V và Nguyễn Tiến T bị thương tích nhẹ không yêu cầu bồi thường và có đơn xin từ chối giám định thương tích

Hoàng Văn P, Nguyễn Văn B đang bị truy nã. Ngày 27 tháng 3 năm 2024, Cơ quan điều tra đã Quyết định tách vụ án hình sự đối với Hoàng Văn P, Nguyễn Văn B để khi nào bắt được xử lý sau.

Tại bản cáo trạng số 15/CT-VKS ngày 25/4/2024, Viện kiểm sát nhân dân quận D đã truy tố Nguyễn Tiến T về tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm d khoản 4 Điều 134 Bộ luật Hình sự; Hoàng Ngọc T, Trần Đức V, Trần Quốc L về tội "Gây rối trật tự công cộng" theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng, các bị cáo tỏ ra ăn năn, hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa trình bày lời luận tội, sau khi phân tích đánh giá tính chất vụ án, mức độ, tính nguy hiểm và hậu quả của hành vi phạm tội cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử: T bố Nguyễn Tiến T phạm tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm d khoản 4 Điều 134 Bộ luật Hình sự; Trần Đức V, Hoàng Ngọc T, Trần Quốc L phạm tội "Gây rối trật tự công cộng" theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự.

Áp dụng điểm d khoản 4 Điều 134; điểm b, s khoản 1, 2 (bị hại có lỗi) Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến T với mức án từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm 06 tháng tù.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Hoàng Ngọc T với mức án từ 24 đến 30 tháng tù;

- Xử phạt bị cáo Trần Quốc L với mức án từ 36 đến 42 tháng tù;

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Đức V với mức án từ 30 đến 36 tháng tù;

Trừ thời gian tạm giữ, tạm giam đối với bị cáo T và bị cáo L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận D, thành phố Hải Phòng, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại P đồng thời là bị can trong giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của những người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, đã có đủ cơ sở kết luận:

[2.1] Về hành vi cố ý gây thương tích: Do có mâu thuẫn nên Hoàng Văn P và Trần Đức V hẹn gặp nhau để giải quyết. Trần Đức V rủ Nguyễn Tiến T đi cùng mang theo 01 đoạn gậy sắt và 01 dao bầu. Hoàng Văn P rủ Hoàng Ngọc T, Nguyễn Văn B, Trần Quốc L đi cùng mang theo 01 đoạn gậy sắt 03 khúc. Khoảng hơn 16 giờ ngày 30/10/2021, tại khu vực đầu đường 402 phường H, quận D hai nhóm đã sử dụng hung khí mang theo và hung khí lấy ở quán gần đó đuổi đánh nhau. Hậu quả, T đã dùng dao bầu gây thương tích cho P ở nhiều vị trí trên cơ thể làm tổn thương 63%. Hành vi của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cố ý gây thương tích" theo Điều 134 Bộ luật Hình sự.

[2.2] Về hành vi Gây rối trật tự công cộng: Hành vi của các bị cáo Trần Đức V, Hoàng Ngọc T, Trần Quốc L cầm dao, tuýp sắt, gậy gỗ đuổi, đánh, đâm chém nhau trên tuyến đường giao thông gây náo loạn đường phố, bất bình trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh trật tự tại khu vực đầu đường 402 thuộc địa bàn phường H, quận D. Hành vi của các bị cáo khác đã đủ yếu tố cấu thành tội "Gây rối trật tự công cộng" theo Điều 318 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt:

[3.1] Bị cáo T đã dùng dao bầu là hung khí, gây thương tích cho P ở nhiều vị trí trên cơ thể làm tổn thương 63% nên bị cáo phải chịu tình tiết "*Dùng hung khí nguy hiểm…"* quy định tại điểm d khoản 4 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

[3.2] Bị cáo Trần Đức V, Hoàng Ngọc T, Trần Quốc L sử dụng gậy sắt là hung khí đuổi đánh nhau làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh trật tự tại khu vực đầu đường 402 thuộc phường H, quận D nên các bị cáo phải chịu tình tiết "*Dùng hung khí nguy hiểm…"* quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự.

Vì vậy, Viện Kiểm sát nhân dân quận D truy tố bị cáo Nguyễn Tiến T về tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm d khoản 4 Điều 134 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Trần Đức V, Hoàng Ngọc T, Trần Quốc L về tội "Gây rối trật tự công cộng" theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về vai trò của các bị cáo trong vụ án về hành vi Gây rối trật tự công cộng: Đây là vụ án có đồng phạm nên khi quyết định hình phạt cần căn cứ vai trò, tính chất, mức độ tham gia phạm tội của các bị cáo để cá thể hóa trách nhiệm hình sự theo quy định tại các Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Trong vụ án này, các bị cáo thực hiện hành vi một cách bột phát, không có sự bàn bạc với nhau là đồng phạm giản đơn. Bị cáo V là người rủ rê bị cáo T; các bị cáo P rủ các T, L, B chuẩn bị hung khí đi để giải quyết mâu thuẫn giữa V và P, nên vai trò của bị cáo V cao hơn các bị cáo T và L. Bị cáo L, T là người thực hành tích cực trong việc gây rối.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải nên các bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Tiến T tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "bị hại có lỗi" theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử thấy như sau: hai bên mâu thuẫn đánh nhau, bị cáo T đã dùng dao đâm chém P gây thương tích nặng, bản thân bị hại P cũng bị khởi tố về tội " Gây rối trật tự công cộng" và đang bị truy nã vì vậy, việc Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ "bị hại có lỗi" là không phù hợp. Bị cáo V có thời gian tham gia bộ đội nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về hình phạt áp dụng đối với các bị cáo**:** Tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi của bị cáo thể hiện ý thức xem thường pháp luật, xâm phạm đến trật tự, an toàn xã hội, xâm phạm đến sức khỏe của người khác, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu tới an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Vì vậy, cần phải có hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và đặc điểm nhân thân của các bị cáo. Căn cứ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đặc điểm nhân thân của các bị cáo như đã phân tích ở trên, Hội đồng xét xử thấy:

[7.1] Bị cáo T là người thực hành tích cực và có hành vi chém liên tiếp vào các bộ phận trên người của bị hại mà theo Kết luật giám định nếu không được cấp cứu kịp thời có thể gây nguy hiểm đến tính mạng của bị hại nên cần phải áp dụng hình phạt tù, cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian dài trên mức khởi điểm của khung hình phạt, như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[7.2] Bị cáo V chưa có tiền án tiền sự, nhưng là người khởi xướng rủ rê bị cáo T, để đi đánh nhau với nhóm của P, L, T nên cần phải áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo trong vụ án; bị cáo L có nhân thân xấu, đã bị tòa án xét xử T phạt bằng bản án tuy không bị tính là tái phạm và 01 tiền sự nhưng tiếp tục phạm tội thể hiện ý thức coi thường pháp luật do đó cần phải áp dụng mức hình phạt tương đương bị cáo V mới đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung. Bị cáo T có nhân thân tốt, có tham gia thực hiện hành vi nhưng với vai trò thứ yếu nên bị cáo có vai trò thấp nhất trong vụ án nên Hội đồng xét xử xét thấy chỉ cần xử bị cáo bằng hình phạt tù ở mức khởi điểm của khung hình phạt cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo..

[8] Trách nhiệm dân sự: Nguyễn Tiến T, Trần Đức V đã bồi thường cho Hoàng Văn P 30.000.000 đồng, P không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm d khoản 4 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Tiến T.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318, Điều 17, Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự áp dụng đối với bị cáo Hoàng Ngọc T, Trần Quốc L.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318, Điều 17, Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự áp dụng đối với bị cáo Trần Đức V.

- T bố bị cáo Nguyễn Tiến T phạm tội "Cố ý gây thương tích"; các bị cáo Trần Đức V, Hoàng Ngọc T, Trần Quốc L đồng phạm tội "Gây rối trật tự công cộng".

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến T 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Trần Đức V 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/01/2024.

- Xử phạt bị cáo Trần Quốc L 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Trừ cho bị cáo số ngày bị tam giữ, tạm giam từ ngày 02/02/2024 đến ngày 29/02/2024.

- Xử phạt bị cáo Hoàng Ngọc T 24 (hai mươi tư) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Trừ cho bị cáo số ngày bị tam giữ, tạm giam từ ngày 02/02/2024 đến ngày 29/02/2024.

Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Buộc các bị cáo Nguyễn Tiến T, Trần Đức V, Hoàng Ngọc T và Trần Quốc L, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày T án.

Bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND quận D;
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cơ quan điều tra Công an Q.D;
- Cơ quan THAHS quận D;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- PV06; PC 10;
- Chi cục THADS quận D;
- Sở Tư pháp;
- Trại tạm giam Công an TP Hải Phòng;
- Các bị cáo;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Tòa án TP Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

Cao Thành Ngọc